

Mã phiếu	2DN
Mã Ngành	

Tỉnh/ Thành phố
Số phiếu

**Vị trí
đóng dấu**

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**PHIẾU PHỎNG VẤN
NHU CẦU CẬP NHẬT THÔNG TIN CÔNG NGHỆ MỚI**

Ngành.....

Kính gửi Quý Doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia, nhằm hỗ trợ một cách hiệu quả các doanh nghiệp Việt Nam trong đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ, được sự uỷ quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiến hành công tác đánh giá Nhu cầu đào tạo về Quản trị công nghệ, Quản lý Công nghệ và Cập nhật công nghệ mới của Quý Doanh nghiệp. Kết quả điều tra khảo sát sẽ là cơ sở để Bộ KH-CN xây dựng được chương trình hỗ trợ đáp ứng được nhu cầu thiết thực của doanh nghiệp. VCCI xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin theo phiếu khảo sát và cam kết chỉ sử dụng thông tin cho việc thực hiện Chương trình này.

Phần A. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

(Người phỏng vấn điền phần này trước hoặc sau khi phỏng vấn)

THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

1. Tên người được phỏng vấn		
2. Giới tính <i>(không hỏi, quan sát)</i>	<input type="checkbox"/> 1-Nam	<input type="checkbox"/> 2-Nữ
3. Chức vụ		
4. Tên doanh nghiệp:		
5. Địa chỉ doanh nghiệp:		
6. Phone:	7. Fax :	8. E-mail:

KIỂM TRA ĐỐI TƯỢNG PHỎNG VẤN

Trước khi phỏng vấn chi tiết, người phỏng vấn cần hỏi các câu hỏi sau:	1- Có	2-Không
9. Bạn có phải là lãnh đạo (Chủ, Giám đốc, phó giám đốc) của doanh nghiệp không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Bạn có giữ vai trò chính trong việc đào tạo nguồn nhân lực hoặc quản trị công nghệ trong DN không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Nếu trả lời “Không” cho cả hai Câu 9 và Câu 10 thì kết thúc phỏng vấn và cảm ơn sự hợp tác của họ vì người này không phải là đối tượng mà cuộc phỏng vấn quan tâm

11. DN của Ông/Bà thuộc loại hình nào sau đây :

- ☐ 1- DN nhà nước
- ☐ 2- Công ty cổ phần
- ☐ 3- Công ty trách nhiệm hữu hạn
- ☐ 4- DN tư nhân
- ☐ 5- Công ty Liên doanh, có vốn đầu tư nước ngoài
- ☐ 6- Loại hình DN khác (ghi rõ.....)

12. Năm thành lập của doanh nghiệp :

13. Số vốn kinh doanh của doanh nghiệp (đơn vị : tỷ đồng)

- 13.1 Tại thời điểm thành lập
- 13.2 Hiện nay

14. Số lao động của DN tại thời điểm hiện tại (chỉ tính những lao động làm việc toàn bộ thời gian): (người)

15. Tỷ lệ % lao động của doanh nghiệp:

- 15.1 Lao động không có tay nghề:%
- 15.2 Công nhân kỹ thuật :%
- 15.3 Kỹ sư chuyên môn (có bằng đại học trở lên):%
- 15.4 Lao động quản lý hành chính:%
- Tổng** **100%**

16. Trong DN của ông bà có bộ phận R&D hay phòng ban kỹ thuật riêng không ?

- ☐ 1- Có ☐ 2- Không

Nếu trả lời “Không” thì chuyển sang Câu 19

17. Bộ phận R&D /Ban kỹ thuật có bao nhiêu cán bộ làm việc toàn bộ thời gian:.....(người)

18. Trung bình hàng năm bộ phận R&D hoặc phòng ban kỹ thuật đưa ra được bao nhiêu các kiến nghị/giải pháp để cải tiến quy trình sản xuất?:..... (*Kiến nghị-giải pháp*)

19. Doanh thu của DN trong 2 năm gần đây (đơn vị: tỷ đồng)

19.1 Năm 2013

19.2 Năm 2014

20. Các sản phẩm/ dịch vụ chính của DN: (Liệt kê 3 loại SP/DV chính)

<i>Tên sản phẩm</i>	<i>Mã sản phẩm</i>
20.1 SP/DV số 1:	
20.2 SP/DV số 2:	
20.3 SP/DV số 3:	

21. Sản phẩm chính của DN là sản phẩm trung gian hay Sản phẩm cuối cùng

☐ 1- Sản phẩm trung gian

☐ 2- Sản phẩm cuối cùng

22. Doanh nghiệp có xuất khẩu hàng hóa dịch vụ không?

☐ 1- Có

☐ 2- Không

Nếu trả lời “Không”, chuyển sang Câu 25

23. Tỷ lệ doanh thu xuất khẩu trong tổng số doanh thu của DN (năm 2014):%.

24. Thị trường xuất khẩu chính của DN:

24.1. Châu Âu%

24.2. Các nước tham gia hiệp định TPP.... ..%

24.3. Hàn Quốc/ Đài loan.....%

24.4. Trung Quốc.....%

24.5. Các nước ASEAN.....%

24.6. Khác (ghi rõ).....%

25. Xuất xứ của thiết bị, công nghệ chính đang sử dụng tại DN (Chỉ chọn 1 đáp án thích hợp)

☐ 25.1. Của các nước đang phát triển, thuộc loại công nghệ cũ (trước năm 2005)

☐ 25.2. Của các nước đang phát triển, thuộc loại công nghệ mới (sau năm 2005)

☐ 25.3. Của Trung Quốc thuộc loại công nghệ cũ (trước năm 2005)

☐ 25.4. Của Trung Quốc thuộc loại công nghệ mới (sau năm 2005 đến nay)

☐ 25.5. Của các nước đã phát triển có công nghệ hàng đầu thế giới Mỹ, Nhật, EU, ...
thuộc loại công nghệ cũ (trước năm 2005)

- ☐ 25.6. Của các nước đã phát triển có công nghệ hàng đầu thế giới Mỹ, Nhật, EU, ... thuộc loại công nghệ mới (sau năm 2005)
- ☐ 25.7. Khác (ghi rõ:).

26. Cơ cấu tỷ lệ % trong giá thành sản phẩm của DN:

26.1. Nguyên vật liệu trong nước.....	-----%
26.2. Nguyên vật liệu nhập khẩu	-----%
26.3. Tiêu hao năng lượng.....	-----%
26.4. Giá trị lao động trực tiếp	-----%
26.5. Giá trị lao động gián tiếp và các chi phí phân bổ khác...	-----%
Tổng	100 %

27. Nếu tính đến thời điểm hiện tại thì các công nghệ hay quy trình mà DN áp dụng để sản xuất các sản phẩm hoặc dịch vụ đã có sẵn từ khi nào? (chỉ lựa chọn một ô phù hợp)?

- ☐ 27.1. Dưới 2 năm
- ☐ 27.2. Từ 2-5 năm
- ☐ 27.3. Từ 6-10 năm
- ☐ 27.4. Từ 11-20 năm
- ☐ 27.5. Trên 20 năm
- ☐ 27.6. Không rõ

28. Mức độ điều khiển đối với các thiết bị chính của dây chuyền sản xuất (chỉ lựa chọn 1 ô phù hợp).

- ☐ 28.1. Chủ yếu được điều khiển thủ công
- ☐ 28.2. Chủ yếu được điều khiển cơ khí hóa
- ☐ 28.3. Chủ yếu được điều khiển theo chương trình bán tự động, máy vạn năng, chuyên dùng
- ☐ 28.4. Chủ yếu được điều khiển theo chương trình tự động, chương trình cố định.
- ☐ 28.5. Chủ yếu được điều khiển theo chương trình tự động, chương trình linh hoạt.
- ☐ 28.6. Có tất cả các loại trên

29. Công suất sử dụng thiết bị/máy móc tại DN (Công suất thực tế/công suất thiết kế)

- ☐ 29.1. Dưới 30%
- ☐ 29.2. Từ 30-50%
- ☐ 29.3. Từ 50-70%
- ☐ 29.4. Từ 70-90%
- ☐ 29.5. Từ 90-100%

30. Ông bà đánh giá như thế nào về tầm ảnh hưởng của các yếu tố sau đây tới sự phát triển của doanh nghiệp trong 5 năm tới.

		1- Rất quan trọng	2- Quan trọng	3- Không quan trọng	4- Không rõ
30.1	Thị trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.2	Nguồn tài chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.3	Chiến lược kinh doanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.4	Công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.5	Nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.6	Môi trường kinh doanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.7	Chính sách kinh tế vĩ mô	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.8	Ổn định chính trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.9	Dịch vụ phát triển kinh doanh – Hỗ trợ DN tham gia chuỗi giá trị toàn cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
30.10	Khác (ghi rõ).....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

31. Tuổi của chủ doanh nghiệp:

32. Giới tính của chủ DN: ☐ 1- Nam ☐ 2- Nữ

33. Trình độ học vấn của Chủ DN (Chỉ lựa chọn một đáp án)?

- ☐ 33.1 Tiểu học
- ☐ 33.2 Trung học cơ sở
- ☐ 33.3 Trung học phổ thông
- ☐ 33.4 Sơ cấp kỹ thuật
- ☐ 33.5 Trung cấp kỹ thuật/ quản lý
- ☐ 33.6 Cao đẳng
- ☐ 33.7 Đại học
- ☐ 33.8 Trên đại học

Phần B. THỰC TRẠNG VỀ CẬP NHẬT CÔNG NGHỆ

34. Doanh nghiệp tiếp thu công nghệ hiện có theo phương thức nào và ở đâu?

34.1	Mua công nghệ hoàn chỉnh, trong đó	Trong nước	Ngoài nước	Tổng
	a) Tỷ lệ giá trị máy móc thiết bị (%)			
	b) Tỷ lệ phần mềm (%)			
	Tổng			100%
34.2	Công nghệ chưa hoàn chỉnh, trong đó			
	a) Tỷ lệ chi phí chuyển giao từ phòng thí nghiệm (%)			
	b) Tỷ lệ chi phí mua sáng chế (%)			
	Tổng			100%

35. So sánh với các sản phẩm tương đương trên thị trường trong cùng phân khúc thì sản phẩm của doanh nghiệp ông bà có lợi thế về yếu tố nào?

	<i>Lợi thế của doanh nghiệp</i>	<i>1-Có</i>	<i>2-Không</i>
35.1	Đáp ứng nhanh nhạy với các nhu cầu mới xuất hiện của thị trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
35.2	Các sản phẩm của doanh nghiệp có đặc tính riêng (doanh nghiệp khác không có)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
35.3	Các sản phẩm của doanh nghiệp có mức độ cạnh tranh về chất lượng cao	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
35.4	Các sản phẩm của doanh nghiệp có mức độ cạnh tranh về giá cả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
35.5	Khác (chi tiết):.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

36. Doanh nghiệp đã thực hiện cập nhật công nghệ bao nhiêu lần kể từ khi thành lập đến nay:..... (lần).

*Nếu câu trả lời là “không có lần nào” thì ghi “0” và chuyển sang **Phần C***

37. Những nguyên nhân nào sau đây khiến doanh nghiệp quyết định cập nhật công nghệ: (Lựa chọn 3 yếu tố quan trọng nhất)

- ☐ 37.1 Đổi mới sản phẩm (mới so với DN)
- ☐ 37.2 Đổi mới sản phẩm (mới so với thị trường)
- ☐ 37.3 Nâng cao chất lượng sản phẩm
- ☐ 37.4 Nâng cao năng suất lao động
- ☐ 37.5 Yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng của nhà nước thay đổi
- ☐ 37.6 Năng lực nghiên cứu và phát triển nội bộ doanh nghiệp được cải thiện

- ☐ 37.7 Có sẵn nguồn tài chính của doanh nghiệp cho việc cập nhật công nghệ mới
- ☐ 37.8 Có nhu cầu giảm giá thành sản phẩm
- ☐ 37.9 Các chính sách hỗ trợ về đổi mới công nghệ và cập nhật công nghệ của Nhà nước thông thoáng
- ☐ 37.10 Các dịch vụ hỗ trợ cập nhật công nghệ sẵn có và có chất lượng
- ☐ 37.11 Cập nhật công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh nói chung
- ☐ 37.12 Cập nhật công nghệ để đăng ký pa-tăng.
- ☐ 37.13 Tuân thủ tiêu chuẩn về môi trường
- ☐ 37.14 Khác (ghi rõ):

38. Doanh nghiệp thường lựa chọn phương thức cập nhật nào sau đây (lựa chọn các phương án thích hợp):

- ☐ 38.1. Mua sắm loại máy móc thiết bị đã qua sử dụng nhưng mới hơn loại đang dùng.
- ☐ 38.2. Mua sắm lại máy móc thiết bị mới hoàn toàn
- ☐ 38.3. Mua “phần mềm công nghệ” được cập nhật;
- ☐ 38.4. Tự cải tiến thiết bị, sản phẩm bằng đội ngũ cán bộ của mình
- ☐ 38.5. Tự cải tiến nhưng thuê chuyên gia từ bên ngoài.
- ☐ 38.6. Gửi cán bộ vào nghiên cứu tại các trung tâm ươm tạo công nghệ của các trường ĐH.
- ☐ 38.7. Mua Pa-tăng mới (*Patent*)
- ☐ 38.8. Nghiên cứu và phát triển công nghệ mới được áp dụng tại Việt Nam
- ☐ 38.9. Nghiên cứu và phát triển công nghệ mới được áp dụng trên thế giới
- ☐ 38.10. Thực hiện chuyển giao hợp đồng công nghệ mới
- ☐ 38.11. Khác (ghi rõ):

39. Doanh nghiệp thường nhận thông tin về cập nhật công nghệ từ đâu (lựa chọn các phương án thích hợp):

- ☐ 39.1 Thông qua các ấn phẩm giới thiệu công nghệ
- ☐ 39.2 Thông qua các trang Web, Internet
- ☐ 39.4 Thông qua khách hàng mua sản phẩm
- ☐ 39.5 Thông qua doanh nghiệp bán thiết bị
- ☐ 39.6. Liên kết thường xuyên với các cơ sở nghiên cứu trong nước
- ☐ 39.7. Liên kết thường xuyên với các cơ sở nghiên cứu ngoài nước
- ☐ 39.8. Thông qua tư vấn cá nhân – chuyên gia
- ☐ 39.9. Bạn bè, người thân mách bảo
- ☐ 39.10. Thấy đối thủ cạnh tranh cập nhật
- ☐ 39.11. Thông qua việc tham gia các hoạt động của các hội, hiệp hội doanh nghiệp.
- ☐ 39.12. Khác (*chi tiết*):

40. DN đã tham gia những hoạt động nào liên quan đến cập nhật công nghệ do đơn vị / cá nhân bên ngoài doanh DN tổ chức trong 3 năm gần đây?

Tên hoạt động	Thời gian (Số ngày)	Chi phí (VNĐ)	Đơn vị/ cá nhân thực hiện/hỗ trợ	Chất lượng (Tốt, Trung bình, Kém)

41. Ông/ Bà nhận được thông tin về các hoạt động trên từ những nguồn nào?

Người phỏng vấn xem lại phần trả lời và tích vào những phương án phù hợp dưới đây (có thể lựa chọn nhiều phương án)

- ☐ 41.1 Quảng cáo trên báo
- ☐ 41.2 Hội thảo khác có giới thiệu về đào tạo quản trị CN và Quản lý CN
- ☐ 41.3 Do các tổ chức đào tạo đến DN giới thiệu trực tiếp
- ☐ 41.4 Từ những tờ rơi giới thiệu về chương trình đào tạo
- ☐ 41.5 Tổ chức đào tạo gọi điện thoại hoặc fax đến DN
- ☐ 41.6 Thư trực tiếp của các tổ chức đào tạo gửi đến
- ☐ 41.7 Từ những quan hệ cá nhân
- ☐ 41.8 Truyền miệng
- ☐ 41.9 Các nguồn khác (nêu rõ)

42. Công nghệ mới được cập nhật đáp ứng những yêu cầu của doanh nghiệp ở mức độ nào

Người phỏng vấn tích vào câu trả lời vào những ô số thích hợp nằm cùng dòng với vấn đề được đề cập

		Tốt	Trung bình	Chưa tốt	Không có tác động
42.1	Đổi mới sản phẩm (mới so DN)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
42.2	Đổi mới sản phẩm (mới so với thị trường)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
42.3	Nâng cao chất lượng sản phẩm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
42.4	Nâng cao năng suất lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

42.5	Giảm giá thành sản phẩm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
42.6	Tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng đo lường của nhà nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
42.7	Xây dựng thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
42.8	Đăng ký pa-tăng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
42.9	Các điều khác (<i>chỉ rõ</i>) _____	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

43. Mức độ tham gia các hoạt động cập nhật công nghệ của các cán bộ trong DN trong 3 năm gần đây.

		Ra quyết định thực hiện (<i>Lượt người</i>)	Tham gia thực hiện (<i>Lượt người</i>)	Tổng (<i>Lượt người</i>)
43.1	Lao động không có tay nghề			
43.2	Công nhân kỹ thuật			
43.3	Kỹ sư chuyên môn			
43.4	Cán bộ quản lý			
43.5	Lãnh đạo DN (chủ DN, GD, PGD)			

44. Ông/ Bà thấy ở các hoạt động cập nhật công nghệ mà DN thực hiện có những nhược điểm, thiếu sót gì?

(Người phỏng vấn không gợi ý, mà chỉ ghi chép lại câu trả lời vào phần trống dưới đây)

45. Ai trả tiền chính cho đa số các hoạt động cập nhật công nghệ của DN (*Chỉ lựa chọn một phương án thích hợp*)

- ☐ 42.1 Cá nhân tham gia hoạt động chi trả
- ☐ 42.2 DN chi trả
- ☐ 42.3 Cả DN và người đi học cùng trả **DN góp%** **Người đi học góp%**
- ☐ 42.4 Hỗ trợ của Nhà nước cho DN (% trên tổng chi phí), :%
- ☐ 42.5 Tài trợ của tổ chức khác (% trên tổng chi phí) :%

46. Ngân sách dành cho nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của DN chiếm bao nhiêu phần trăm tổng doanh thu?%

47. DN của Ông/Bà có thành lập quỹ phát triển khoa học công nghệ không?

- ☐ 1- Có ☐ 2- Không

Nếu lựa chọn “Có” thì chuyển sang Câu 48, nếu lựa chọn “Không” thì chuyển sang Câu 49

48. Quỹ đổi mới công nghệ của DN đáp ứng được bao nhiêu % chi phí cần thiết để nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của DN :.....%

49. Có khi nào DN phải ngừng hoạt động để cập nhật, đổi mới công nghệ hay không?

☐ 1- Có

☐ 2- Không

Nếu lựa chọn “Có” thì chuyển sang Câu 50, nếu lựa chọn “Không” thì chuyển sang Phần C

50. Thời gian trung bình DN phải ngừng hoạt động để cập nhật, đổi mới công nghệ là bao lâu: Tháng

51. Doanh nghiệp có bị buộc phải nộp thuế trong thời gian ngừng sản xuất đó không?

☐ 1- Có

☐ 2- Không

Phần C. NHU CẦU CỦA DN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CẬP NHẬT CÔNG NGHỆ TRONG TƯƠNG LAI

52. Trong tương lai DN có kế hoạch cập nhật công nghệ không?

☐ 1- Có

☐ 2- Không

Nếu lựa chọn “Có” thì chuyển sang Câu 54, nếu lựa chọn “Không” thì chuyển sang Câu 53

53. Tại sao DN không có ý định cập nhật công nghệ?

(Người phỏng vấn không gợi ý mà chỉ ghi chép lại câu trả lời vào phần trống dưới đây)

Người phỏng vấn xem lại phần trả lời và tích vào những phương án phù hợp dưới đây (có thể lựa chọn nhiều phương án)

- ☐ 53.1 Chưa bao giờ nghĩ đến cập nhật công nghệ
- ☐ 53.2 Không hiểu cập nhật công nghệ là gì
- ☐ 53.3 Không rõ Cập nhật CN có thể giúp được gì cho DN
- ☐ 53.4 Không có chương trình nào phù hợp với yêu cầu của DN
- ☐ 53.5 Hoạt động cập nhật công nghệ thực hiện trước đó không mang lại hiệu quả
- ☐ 53.6 Chất lượng các dịch vụ cập nhật công nghệ ở VN thấp
- ☐ 53.7 Chi phí cao/ không có ngân sách cho cập nhật CN.
- ☐ 53.8 Sản xuất có thể bị gián đoạn
- ☐ 53.9 DN nói chung không bị ảnh hưởng nhiều nếu không cập nhật CN.
- ☐ 53.10 Lý do khác (nêu rõ):.....

Trả lời xong câu 53 thì chuyển tiếp ngay sang Phần D

54. Tại sao DN quan tâm đến cập nhật công nghệ

(Người phỏng vấn không gợi ý mà chỉ ghi chép lại câu trả lời vào phần trống dưới đây)

Người phỏng vấn xem lại phần trả lời và tích vào những phương án phù hợp dưới đây (có thể lựa chọn nhiều phương án)

- ☐ 54.1 Đổi mới sản phẩm (mới so với DN)
- ☐ 54.2 Đổi mới sản phẩm (mới so với thị trường)
- ☐ 54.3 Nâng cao chất lượng sản phẩm
- ☐ 54.4 Nâng cao năng suất lao động
- ☐ 54.5 Yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng của nhà nước thay đổi
- ☐ 54.6 Năng lực nghiên cứu và phát triển nội bộ doanh nghiệp được cải thiện
- ☐ 54.7 Có sẵn nguồn tài chính của doanh nghiệp cho việc cập nhật công nghệ mới
- ☐ 54.8 Có nhu cầu giảm giá thành sản phẩm
- ☐ 54.9 Các chính sách hỗ trợ về đổi mới công nghệ và cập nhật công nghệ của Nhà nước thông thoáng
- ☐ 54.10 Các dịch vụ hỗ trợ cập nhật công nghệ sẵn có và có chất lượng
- ☐ 54.11 Cập nhật công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh nói chung
- ☐ 54.12 Cập nhật công nghệ để đăng ký pa-tăng
- ☐ 54.13 Cập nhật công nghệ để được cấp giấy chứng nhận về sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao
- ☐ 54.14 Tuân thủ tiêu chuẩn về môi trường
- ☐ 54.15 Khác (ghi rõ):

55. DN dự kiến chọn phương thức cập nhật nào sau đây (có thể lựa chọn nhiều phương án):

- ☐ 55.1. Mua sắm loại máy móc thiết bị đã qua sử dụng nhưng mới hơn loại đang dùng.
- ☐ 55.2. Mua sắm lại máy móc thiết bị mới hoàn toàn
- ☐ 55.3. Mua “phần mềm công nghệ” được cập nhật;
- ☐ 55.4. Tự cải tiến thiết bị, sản phẩm bằng đội ngũ cán bộ của mình
- ☐ 55.5. Tự cải tiến nhưng thuê chuyên gia từ bên ngoài.
- ☐ 55.6. Gửi cán bộ vào nghiên cứu tại các trung tâm ươm tạo CN của các trường ĐH.
- ☐ 55.7. Mua Pa.tăng mới
- ☐ 55.8. Nghiên cứu và phát triển công nghệ mới được áp dụng tại Việt Nam
- ☐ 55.9. Nghiên cứu và phát triển công nghệ mới được áp dụng trên thế giới
- ☐ 55.10. Thực hiện chuyển giao hợp đồng công nghệ mới
- ☐ 55.11. Khác (ghi rõ):

56. Thời điểm DN dự kiến thực hiện cập nhật công nghệ sắp tới là khi nào: (Chỉ lựa chọn một phương án thích hợp)

- ☐ 56.1 Trong vòng 1 năm tới
☐ 56.2 Trong vòng 2 năm tới
☐ 56.3 Trong vòng 3 năm tới
☐ 56.4 Trong vòng 4-8 năm tới
☐ 56.5 Sẽ cập nhật công nghệ nhưng chưa xác định được khi nào

57. DN dự kiến sẽ đầu tư bao nhiêu tiền cho lần cập nhật công nghệ sắp tới:tỷ đồng

58. Dự kiến DN sẽ huy động vốn từ các nguồn nào

	Tỷ lệ (%)
58.1 Nguồn vốn tự có	_____
58.2 Nguồn từ Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp	_____
58.3 Vay ngân hàng	_____
58.4 Từ Quỹ đổi mới sáng tạo của Nhà nước	_____
58.5 Từ các quỹ đầu tư tư nhân/ đầu tư mạo hiểm	_____
58.6 Từ nhà cung cấp thiết bị	_____
58.7 Từ khách hàng mua sản phẩm dịch vụ (ứng trước)	_____
58.8 Thuê mua tài chính	_____
58.9. Khác (ghi rõ):	_____
Tổng	100%

59. DN muốn nhận thông tin yêu cầu về cập nhật công nghệ qua các kênh nào nhất (lựa chọn 3 phương án thích hợp nhất) :

- ☐ 59.1 Thông qua các ấn phẩm giới thiệu công nghệ
☐ 59.2 Thông qua các trang Web, Internet
☐ 59.4 Thông qua khách hàng mua sản phẩm
☐ 59.5. Thông qua doanh nghiệp bán thiết bị
☐ 59.6. Liên kết thường xuyên với các cơ sở nghiên cứu trong nước
☐ 59.7. Liên kết thường xuyên với các cơ sở nghiên cứu ngoài nước
☐ 59.8. Thông qua tư vấn cá nhân – chuyên gia
☐ 59.9. Bạn bè , người thân mách bảo
☐ 59.10. Thấy đối thủ cạnh tranh cập nhật CN
☐ 59.11. Khác (ghi rõ):.....

60. Ai sẽ là đại diện của DN chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các hoạt động cập nhật công nghệ ? (chỉ chọn 1 phương án duy nhất)

- ☐ 60.1 Người đứng đầu DN
- ☐ 60.2 Lãnh đạo doanh nghiệp nói chung
- ☐ 60.3 Các kỹ sư, nhà nghiên cứu
- ☐ 60.4 Công nhân kỹ thuật
- ☐ 60.5 Cả lãnh đạo lẫn cán bộ nghiên cứu phát triển/ kỹ sư
- ☐ 60.6 Khác (nêu rõ):

61. Cán bộ chính thực hiện cập nhật CN có khả năng đọc tài liệu bằng ngôn ngữ nào?
(có thể lựa chọn nhiều phương án thích hợp)

- ☐ 61.1 Tiếng Việt ☐ 61.2 Tiếng Anh
- ☐ 61.3 Ngôn ngữ khác (ghi rõ):

62. Mức độ quan tâm của DN quan tâm đến dịch vụ hỗ trợ cập nhật công nghệ của các tổ chức dưới đây như thế nào:

		Rất quan tâm	Quan tâm	Không quan tâm	Không rõ
62.1	Cơ sở dữ liệu thông tin công nghệ của Cục Thông tin KHCN	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.2	Cơ sở dữ liệu đăng ký sáng chế, bản quyền của cục sở hữu trí tuệ / Bộ KHCN	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.3	Ấn phẩm tiêu chuẩn chuẩt lượng đo lường Việt Nam	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.4	Sàn giao dịch công nghệ tại các tỉnh/ sở KHCN	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.5	Các hội thảo phổ biến Thông tin KHCN của VCCI	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.6	Chợ công nghệ Techmart hàng năm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.7	Dịch vụ kiểm định chất lượng, an toàn sản phẩm của các tổ chức trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.8	Dịch vụ kiểm định chất lượng, an toàn sản phẩm của các tổ chức nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.9	Ươm tạo công nghệ mới tại các vườn ươm DN	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.10	Dịch vụ CNCN từ các viện nghiên cứu/ trường đại học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.11	Dịch vụ CNCN từ hội chuyên ngành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.12	Dịch vụ CNCN từ các hiệp hội doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.13	Dịch vụ CNCN từ các doanh nghiệp tư vấn công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.14	Dịch vụ tư vấn ứng dụng CN thông tin trong quản lý và hoạt động sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
62.15	Khác (chi tiết):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

PHẦN D. NHU CẦU CỦA DN ĐỐI CẬP NHẬT CÔNG NGHỆ THEO ĐẶC THÙ NGÀNH